

Số: 109/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 12 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn vốn Trung ương năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1972/QĐ-BBKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn ngân sách Trung ương năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 08/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách Trung ương năm 2018 như các phụ lục kèm theo.

Thời gian giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn Trung ương năm 2018 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.

Các chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân nguồn vốn nêu trên về Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ vào ngày 25 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

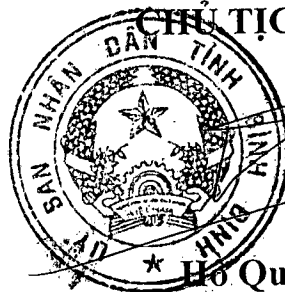
Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo kế hoạch vốn đến các chủ đầu tư và chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh, các chủ đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KHĐT, Bộ TC;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV;
- Lưu: VT, K1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Dũng

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC KHÔNG BAO GỒM VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ) NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số **109** /QĐ-UBND ngày **12/01/2018** của UBND tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ				3.284.266	2.100.569	368.656	67.400		
A	CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO NGƯỜI CÓ CÔNG THEO QĐ 22/QĐ-TTg						73.656			
B	ĐẦU TƯ THEO CHƯƠNG TRÌNH				3.284.266	2.100.569	295.000	67.400		
I	Chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng				1.151.007	795.240	117.524			
	Khởi công mới				115.611	115.611	10.000			
1	Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học	Quy Nhơn	2016-2020	231/QĐ-UBND 06/7/2016; 4097/QĐ-UBND 31/10/2017	115.611	115.611	10.000			
	Chuyển tiếp				1.035.396	679.629	107.524			
1	Tổ hợp Không gian khoa học bao gồm Nhà mô hình vũ trụ, Đài quan sát thiên văn phổ thông và Bảo tàng khoa học	Quy Nhơn	2015-2018	3652a/QĐ-UBND 30/10/2014 1695/QĐ-UBND 20/5/2015; 2614/QĐ-UBND 28/7/2015; 4493/QĐ-UBND 01/12/2017	171.102	160.000	35.524			
2	Đường cứu hộ cứu nạn từ QL 1A đến giáp đường ĐT639 (đường ven biển)	Phù Mỹ	2016-2020	2533/QĐ-UBND 21/7/2015; 3938a/QĐ-UBND 30/10/2015	80.000	80.000	12.500			
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.640 (đoạn từ ngã 3 QL1A đến cuối thị trấn Tuy Phước) (Thực hiện gđ1: 80 tỷ đồng)	Tuy Phước	2016-2020	3935/QĐ-UBND 20/12/2013; 3945/QĐ-UBND 30/10/2015; 4493/QĐ-UBND 01/12/2017	80.000	80.000	12.500			
4	Kho lưu trữ chuyển dụng tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	2016-2020	2673/QĐ-CTUBND 05/11/2010 3936a/QĐ-UBND; 4493/QĐ-UBND 01/12/2017 30/10/2015	91.294	30.000	10.000			
5	Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B) (HM: Km130+00 - Km 137+580)	Quy Nhơn, Văn Canh	2016-2020	3648/QĐ-UBND 30/10/2014; 5022/QĐ-UBND 30/12/2015; 4493/QĐ-UBND 01/12/2017 711/QĐ-UBND 10/03/2016; 4493/QĐ-UBND 01/12/2017	613.000	329.629	37.000			
II	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững				113.181	55.000	10.000			
	Chuyển tiếp				113.181	55.000	10.000			
	Dự kiến hoàn thành năm kế hoạch				59.981	30.000	5.000			
	Nhóm C									
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	Phù Mỹ	2015-2019	3630/QĐ-UBND 30/10/2014; 4567/QĐ-UBND 08/12/2017	59.981	30.000	5.000			
	Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước năm kế hoạch				53.200	25.000	5.000			
	Nhóm C									
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản Hoài Nhơn	Hoài Nhơn	2015-2018	3607a/QĐ-UBND 30/10/2014	53.200	25.000	5.000			Dứt điểm
III	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư				226.928	156.323	16.000			
	Chuyển tiếp				162.082	123.900	11.000			
	Dự kiến hoàn thành năm kế hoạch									
	Dự án nhóm B									
1	Hồ chứa nước ngọt Nhơn Châu	Nhơn Châu	2015-2019	2683/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 2294/QĐ-UBND 29/6/2015; 4567/QĐ-UBND 08/12/2017	162.082	123.900	11.000			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm kế hoạch				64.846	32.423	5.000			
	Dự án nhóm B									
1	Khu tái định cư vùng thiên tai Bàu Rong, Thị trấn Bồng Sơn	Hoài Nhơn		2519/QĐ-UBND 04/8/2014; 4567/QĐ-UBND 08/12/2017	64.846	32.423	5.000			
IV	Chương trình mục tiêu Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao				685.816	584.707	30.076			
	Chuyển tiếp				685.816	584.707	30.076			
	Dự kiến hoàn thành năm kế hoạch				103.196	103.196	76			
	Dự án nhóm B									
1	Đường chuyển đung phía Tây Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn I)	KKT	2014-2018	1760/QĐ-BQL ngày 30/10/2013	103.196	103.196	76			Dứt điểm
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017				582.620	481.511	30.000			
	Nhóm B									
1	Khu xử lý chất thải rắn phục vụ KKT Nhơn Hội	Cát Nhơn, Phù Cát	2015-2019	1951/QĐ-BQL ngày 31/10/2014	107.716	96.611	5.000			
2	Đường trục Khu kinh tế nối dài (giai đoạn I) - Hốp phần I	KKT Nhơn Hội	2016-2020	797/QĐ-UBND 16/3/2016; 4493/QĐ-UBND 01/12/2017	474.904	384.900	25.000			
V	Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống y tế địa phương				67.500	35.321	10.000			
	Khởi công mới				67.500	35.321	10.000			
	Nhóm B									
1	Mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Hoài Nhơn	2017-2021	641/QĐ-UBND 03/3/2017; 4451/QĐ-UBND 29/11/2017	67.500	35.321	10.000			
					91.690	53.000	5.000			
VI	Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa									
	Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước năm kế hoạch				91.690	53.000	5.000			
	Nhóm B									
1	Mở rộng nâng cấp Bảo tàng Quang Trung	Tây Sơn	2014-2018	2373/QĐ-CTUBND; 26/10/2012; 2678/QĐ-CTUBND; 31/12/2012; 4493/QĐ-UBND 01/12/2017	91.690	53.000	5.000			Dứt điểm
VII	Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch				164.004	111.000	21.000			
	Chuyển tiếp									
	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm kế hoạch				164.004	111.000	21.000			
	Nhóm B									
1	Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (giai đoạn I).	Tây Sơn	2016-2020	3587/QĐ-UBND 29/10/2014; 3932/QĐ-UBND 30/10/2015; 4493/QĐ-UBND 01/12/2017; 2071/QĐ-UBND 17/6/2016; 1463/QĐ-UBND 27/4/2017	45.000	40.000	10.000			
2	Đường vào các lò vôi và di tích trên địa bàn tỉnh (thực hiện giai đoạn I: 41 tỷ đồng)	Toàn tỉnh	2016 - 2020	3649/QĐ-UBND 30/10/2014; 582/QĐ-UBND 02/3/2016; 802/QĐ-UBND 16/3/2016 4493/QĐ-UBND 01/12/2017	81.000	41.000	6.000			
	Nhóm C									
1	Đường từ Quốc lộ 1A đến khu di tích danh nhân văn hóa Đào Duy Từ	Hoài Nhơn	2014-2016	3366/QĐ-UBND; 31/10/2013; 4567/QĐ-UBND 08/12/2017	38.004	30.000	5.000			
	Giai đoạn 2		2017-2019	3366/QĐ-UBND; 31/10/2013; 4567/QĐ-UBND 08/12/2017	24.004	16.000	5.000			
VIII	Chương trình mục tiêu Quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm (Chương trình 504)				406.662	37.500	3.000			
	Chuyển tiếp									

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm kế hoạch				406.662	37.500	3.000			
I	Dự án Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Bình Định	Bình Định	2013-2019	1726/QĐ-BQP ngày 25/5/2012; 450/QĐ-UBND ngày 14/3/2012	406.662	37.500	3.000			
IX	Chương trình mục tiêu Phát triển Lâm nghiệp bền vững				377.478	272.478	15.000			
	Chuyển tiếp									
	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm kế hoạch				377.478	272.478	15.000			
	Nhóm B									
1	Dự án bảo vệ và phát triển rừng PH Hoài Nhơn; Hoài Ân; Vĩnh Thạnh; Vân Canh; Phù Mỹ; Phù Cát; An Toàn; An Lão; Tây Sơn; ngập mặn	Toàn tỉnh	2011-2020	2489;2490;2491;2492; 2493;2494;2495;2496; 24972498- 01/1/2011; 2790- 9/1/2012	251.478	242.478	10.000			
2	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng Đường lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định (thực hiện giai đoạn 1: 80 tỷ đồng)	Toàn tỉnh	2016-2020	2248/QĐ-UBND 15/7/2014; 3934a/QĐ-UBND 30/10/2015; 4493/QĐ-UBND 01/12/2017	126.000	30.000	5.000			Dứt điểm
X	Thu hồi ứng các dự án không thuộc các chương trình mục tiêu quy định tại Nghị quyết 1023/NQ-UBTVQH13 và Quyết định 40/2015/QĐ-TTg						67.400	67.400		
1	Cầu đường Quy Nhơn - Nhơn Hội	Tỉnh Bình Định					67.400	67.400		

2m



Phụ lục 02
DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN ODA VÀ VỐN VAY LƯU DÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) NĂM 2018
(KHÔNG BAO GỒM DỰ ÁN CHỈ TIẾP AN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC)
(Kèm theo Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nhà Tài trợ	Ngày ký hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu được QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH										Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018				Ghi chú
						Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Tinh bằng ngoại tệ	Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng từ NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW			
								Trong đó:												
								Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài											
								Tổng số	Trong đó: NSTW									Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW	
TỔNG CỘNG						1.418.864	106.527	35.796		1.312.337	1.312.337	769.934			769.934					
CÁC DỰ ÁN KHÁC						986.389	34.936			951.453	951.453	619.934			619.934					
1	Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện						44.189	3.713			40.476	40.476	25.000			25.000				
2	Dự án phát triển bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn II					1214/QĐ-UBND ngày 14/4/2016	449.210	1.060			448.150	448.150	425.000			425.000				
3	Dự án Đầu tư xây dựng cầu dẫn sinh và quản lý tái sản đường địa phương (LRAMP)					622/QĐ-BOTVT ngày 02/3/2016	208.310	15.310			193.000	193.000	134.934			134.934				
4	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đê (WB8)					346/QĐ-UBND, ngày 4/4/2016	284.680	14.853			269.827	269.827	35.000			35.000				
Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017							432.475	71.591	35.796		360.884	360.884	150.000			150.000				
1	Tiểu dự án Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn	Huyện Tây Sơn	2014-2017			QĐ 1812/QĐ-UBND, ngày 04/6/2014	432.475	71.591	35.796		360.884	360.884	150.000			150.000				

CM



Phụ lục 03

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư		Kế hoạch đầu tư vốn TPCP năm 2018				Ghi chú	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn TPCP				
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số			Trong đó: vốn TPCP	Thu hồi các khoản vốn ứng trước TPCP		Thanh toán nợ XDCB
	TỔNG SỐ				1.085.431	980.000	352.000	352.000			
A	ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC				940.731	850.000	305.000	305.000			
I	Giao thông				940.731	850.000	305.000	305.000			
	Khởi công mới				940.731	850.000	305.000	305.000			
1	Nâng cấp tuyến đường ĐT.639B (đường phía tây tỉnh), Đoạn km113 - km145; phân đoạn km 137 + 580 đến km 143 + 787	TP Quy Nhơn	2017-2020	80/HĐND ngày 06/9/2017; 1144/QĐ-UBND 31/3/2017	940.731	850.000	305.000	305.000			
B	ĐẦU TƯ THEO CHƯƠNG TRÌNH				144.700	130.000	47.000	47.000			
I	Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học				144.700	130.000	47.000	47.000			
	Khởi công mới				144.700	130.000	47.000	47.000			
1	Đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo - giai đoạn 2017-2020, tỉnh Bình Định	toàn tỉnh	2017-2020	81/HĐND ngày 11/9/2017; 3814/QĐ-UBND 13/10/2017	144.700	130.000	47.000	47.000			

2m